

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 160/2019/DS-PT

Ngày 11-7-2019

V/v tranh chấp quyền sử dụng đất
và tài sản gắn liền với quyền sử dụng
đất.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đào Minh Đa

Các Thẩm phán:

Bà Trần Thị Thanh Trúc

Ông Nguyễn Văn Tài

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Anh Đào – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Phước - Kiểm sát viên.

Ngày 11/7/2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 167/2019/TLPT-DS ngày 17/4/2019 về việc “tranh chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với quyền sử dụng đất, hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 03/2019/DS-ST ngày 11/01/2019 của Tòa án nhân dân thị xã B, tỉnh Bình Dương bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 183/2019/QĐ-PT ngày 23/5/2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Cụ Lại Văn L1, sinh năm 1928 (chết ngày 02/8/2017)

Những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của cụ L1:

1. Cụ Nguyễn Thị L2, sinh năm 1922; địa chỉ: Ấp R, xã A, thị xã B, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp của cụ L2: Ông Lê Tuấn H1, sinh năm 1970; địa chỉ: Tổ A, khu phố B, phường M, thị xã B, tỉnh Bình Dương (văn bản ủy quyền ngày 04/6/2018).

2. Bà Lại Thị N, sinh năm 1953; địa chỉ: Khu phố B, phường T, thị xã B, tỉnh Bình Dương;

Người đại diện hợp pháp của bà N: Ông Lê Tuấn H1, sinh năm 1970; địa chỉ: Tổ A, khu phố B, phường M, thị xã B, tỉnh Bình Dương (văn bản ủy quyền ngày 04/6/2018).

3. Ông Lại Văn H2, sinh năm 1955; địa chỉ: Ấp M, xã Đ1, huyện Đ2, tỉnh Long An.

4. Ông Nguyễn Như T1, sinh năm 1967; địa chỉ: Khu phố D, phường M, thị xã B, tỉnh Bình Dương;

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Như T1, sinh năm 1967; địa chỉ: Khu phố K, phường M, thị xã B, tỉnh Bình Dương.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Ông Nguyễn Văn T2-Luật sư Văn phòng Luật sư Nguyễn T2; địa chỉ: Số N, khu phố A, phường H, thị xã B, tỉnh Bình Dương.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Cơ quan U thị xã B, tỉnh Bình Dương.

2. Bà Nguyễn Thị H3, sinh năm 1973; địa chỉ: Khu phố K, phường M, thị xã B, tỉnh Bình Dương.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà H3: Ông Nguyễn Văn T2-Luật sư Văn phòng Luật sư Nguyễn T2; địa chỉ: Số N, khu phố A, phường H, thị xã B, tỉnh Bình Dương.

3. Cụ Nguyễn Thị L2, sinh năm 1922; địa chỉ: Ấp R, xã A, thị xã B, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp của cụ L2: Ông Lê Tuấn H1, sinh năm 1970; địa chỉ: Tổ A, khu phố B, phường M, thị xã B, tỉnh Bình Dương (văn bản ủy quyền ngày 04/6/2018).

4. Bà Lại Thị N, sinh năm 1953; địa chỉ: Ấp R, xã A, thị xã B, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp của bà N: Ông Lê Tuấn H1, sinh năm 1970; địa chỉ: Tổ A, khu phố B, phường M, thị xã B, tỉnh Bình Dương (văn bản ủy quyền ngày 04/6/2018).

5. Ông Lại Văn H2, sinh năm 1955; địa chỉ: Ấp M, xã Đ1, huyện Đ2, tỉnh Long An.

6. Anh Lại Hoàn V, sinh năm 1992; địa chỉ: Ấp R, xã A, thị xã B, tỉnh Bình Dương (anh V bị tuyên bố mất năng lực hành vi dân sự theo Quyết định số 13/2018/QĐDS-ST ngày 07/6/2018 của Tòa án nhân dân thị xã B, tỉnh Bình Dương).

Người đại diện theo pháp luật của anh V: Ông Lại Văn H2, sinh năm 1955; địa chỉ: Ấp M, xã Đ1, huyện Đ2, tỉnh Long An.

7. Anh Lại Nguyễn Tuấn T3, sinh năm 1992; địa chỉ: Khu phố K, phường M, thị xã B, tỉnh Bình Dương

- *Người kháng cáo:* Bị đơn ông Nguyễn Như T1 và bà Nguyễn Thị H3.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn, người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của nguyên đơn trình bày:

Cụ Lại Văn L1 (chết ngày 02/8/2017) và cụ Nguyễn Thị L2 có 03 người con gồm: Bà Lại Thị N, ông Nguyễn Như T1, ông Lại Văn H2; ông T1 và ông H2 là con nuôi được cụ L1, cụ L2 nhận nuôi từ nhỏ.

Cụ L1, cụ L2 được cơ quan U huyện (nay là thị xã) B, tỉnh Bình Dương cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số I/GNC –SB ngày 07/11/1990 (bao gồm các thửa G, H, S, T, Q, tờ bản đồ số O; các thửa U, L, X, Y, tờ bản đồ số P); tổng diện tích 10.990 m²; tại xã A, huyện (nay là thị xã) B, tỉnh Bình Dương.

Năm 1998, Nhà nước có chủ trương đổi lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, cụ L1 ủy quyền cho con là ông Nguyễn Như T1 đi làm thủ tục; tuy nhiên, ông T1 đã làm thủ tục sang tên ông T1; ngày 14/12/1999, cơ quan U huyện (nay là thị xã) B cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông T1 số vào sổ: V...QSĐĐ/1421/QĐ-UB, diện tích 11.424 m².

Từ năm 2000, cụ L1 và cụ L2 chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho nhiều người (chuyển nhượng hết diện tích 11.424 m²), cụ L1 trực tiếp chuyển nhượng và nhận tiền, ông T1 có ra chính quyền ký tên vào hợp đồng chuyển nhượng (thời điểm này ông T1 còn ở chung với cụ L1, cụ L2). Cụ L1 có đưa tiền cho bà N nhận chuyển nhượng của bà Lê Thị Đ diện tích 501 m² để cất nhà ở; tiền cất nhà cụ L1 đưa cho bà N thuê mướn nhân công, mua vật tư.... Bà N nhờ ông T1 đi làm thủ tục sang tên quyền sử dụng đất, ông T1 đã tự ý làm thủ tục sang tên cho ông T1 và ông T1 được cơ quan huyện U (nay là thị xã) B cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, số vào sổ: S QSĐĐ/4276/QĐ-UB vào ngày 23/12/2003, diện tích là 501 m² (trong đó có 100 m² đất thổ cư), thửa số A, tờ bản đồ số 4. Việc ông T1 tự ý ký tên trong hợp đồng và đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì cụ L1, cụ L2 không biết.

Tại đơn khởi kiện ngày 11/11/2015, đơn khởi kiện bổ sung ngày 15/5/2015, cụ L1 yêu cầu: Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, số vào sổ: S QSĐĐ/4276/QĐ-UB, do cơ quan U (nay là thị xã) B cấp cho ông Nguyễn Như T1 ngày 23/12/2003; buộc ông T1 trả cho cụ L1 quyền sử dụng đất diện tích 501 m² thuộc thửa số 133, tờ bản đồ số 4, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, số vào sổ: S QSĐĐ/4276/QĐ-UB và toàn bộ tài sản gắn liền với quyền sử dụng đất gồm: 01 căn nhà cấp 4, mái che tole vì kèo sắt, nhà bếp, nhà tắm, nhà vệ sinh, nhà tạm, rào lưới B40, cổng sắt, 01 giếng khoan, 01 điện kế chính, 25 cây cao su lớn, 15 cây cao su nhỏ.

Ý kiến của người kế thừa quyền, nghĩa vụ của ông Lại Văn L1 đồng thời là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án:

Cụ Nguyễn Thị L2, bà Lại Thị N, ông Lại Văn H2 thống nhất với ý kiến và yêu cầu của nguyên đơn cụ Lại Văn L1.

Bị đơn ông Nguyễn Như T1 đồng thời là người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của nguyên đơn là ông Lại Văn L2 trình bày:

Thông nhất về quan hệ huyện thống như nguyên đơn trình bày. Về quyền sử dụng đất tranh chấp: Nguồn gốc là của cụ L1 nhưng cụ L1 đã tặng cho ông T1 theo giấy ủy quyền ngày 29/7/1998.

Nhà, đất hiện tại có tranh chấp là do ông T1 chuyển nhượng quyền sử dụng đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, số vào sổ: V...QSĐĐ/1421/QĐ –UB ngày 14/12/1999 (cấp cho ông T1, diện tích đất là 11.424 m²) và dùng tiền chuyển nhượng đất để nhận chuyển nhượng lại đất của bà Lê Thị Đ, diện tích 501 m², thửa số Ấ, tờ bản đồ số 4 (Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, số vào sổ: S QSĐĐ/4276/QĐ-UB cấp cho ông Nguyễn Như T1 ngày 23/12/2003).

Ông T1 không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị H3 trình bày:

Bà Nguyễn Thị H3 là vợ ông T1, thống nhất với ý kiến và yêu cầu của ông T1.

Bản án dân sự sơ thẩm số 03/2019/DS-ST ngày 11/01/2019 của Tòa án nhân dân thị xã B, tỉnh Bình Dương đã quyết định:

1. Đình chỉ xét xử đối với một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, người kế thừa quyền, nghĩa vụ là cụ Nguyễn Thị L2, bà Lại Thị Nga, ông Lại Văn H2, ông Nguyễn Như T1 và đối với một phần yêu cầu khởi kiện bổ sung của người kế thừa quyền, nghĩa vụ của nguyên đơn là cụ Nguyễn Thị L2 đối với bị đơn ông Nguyễn Như T1 về việc:

- Rút lại phần diện tích đất tranh chấp là 71,3 m².

- Không yêu cầu ông Nguyễn Như T1, bà Nguyễn Thị H3 trả lại 25 (hai mươi lăm) cây cao su lớn, 15 (mười lăm) cây cao su nhỏ;

- Rút lại đối với yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, số vào sổ: S QSĐĐ/4276/QĐ-UB, do Cơ quan huyện U (nay là thị xã B) cấp cho ông Nguyễn Như T1 ngày 23/12/2003.

2. Đình chỉ xét xử đối với một phần yêu cầu khởi kiện độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cụ Nguyễn Thị L2 đối với ông Nguyễn Như T1, bà Nguyễn Thị H3 về việc không yêu cầu ông T1, bà H3 trả lại 25 (hai mươi lăm) cây cao su lớn, 15 (mười lăm) cây cao su nhỏ.

3. Đình chỉ đối với yêu cầu khởi kiện độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lại Thị N về việc yêu cầu trả lại 25 (hai mươi lăm) cây cao su lớn, 15 (mười lăm) cây cao su nhỏ.

4. Ghi nhận việc người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lại Thị N từ chối quyền sở hữu đối với 25 (hai mươi lăm) cây cao su lớn, 15 (mười lăm) cây cao su nhỏ được trồng trên thửa đất số 133, tờ bản đồ số 4, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, số vào sổ: S QSĐĐ/4276/QĐ-UB do cơ quan U huyện B (nay là thị xã B) cấp cho ông Nguyễn Như T1 ngày 23/12/2003.

5. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện, yêu cầu khởi kiện bổ sung của nguyên đơn cụ Lại Văn L1 do cụ Nguyễn Thị L2, bà Lại Thị N, ông Lại Văn H2, ông Nguyễn Như T1 kế thừa quyền, nghĩa vụ; yêu cầu khởi kiện bổ sung của người

kế thừa quyền nghĩa vụ của nguyên đơn là cụ Nguyễn Thị L2 và yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cụ Nguyễn Thị L2:

Nguyên đơn cụ Lại Văn L1 do cụ Nguyễn Thị L2, bà Lại Thị Nga, Lại Văn H2, ông Nguyễn Như Tuấn kế thừa quyền, nghĩa vụ và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan quan cụ Nguyễn Thị L2 được quyền sử dụng quyền sử dụng đất diện tích 429,7 m² thuộc thửa số A, tờ bản đồ số 4, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, số vào sổ: S QSDĐ/4276/QĐ-UB do Cơ quan U huyện B (nay là thị xã B) cấp cho ông Nguyễn Như T1 ngày 23/12/2003 và tài sản gắn liền với quyền sử dụng đất gồm: 01 căn nhà cấp 4 có kết cấu: Móng gạch, cột gạch, tường gạch xây tô, cửa đi và cửa sổ bằng sắt kính, có trần, mái tole, nền gạch Ceramic, diện tích 66,4 m²; 01 nhà tắm, nhà bếp có diện tích 12,87 m²; 01 nhà tắm, nhà vệ sinh có diện tích 3,72 m²; 01 rào lưới B40 bán kiên cố, diện tích 132 m²; 01 cổng sắt lưới B40, diện tích 7,22 m²; 01 giếng khoan, 01 điện kế chính; 01 mái che tole, vì kèo sắt trước nhà, có diện tích 13,78 m²; 01 mái che tole, vì kèo sắt sau nhà, có diện tích 33,06 m², 25 cây cao su lớn, 15 cây cao su nhỏ. Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với quyền sử dụng đất tọa lạc tại ấp R, xã A, thị xã B, tỉnh Bình Dương; đất có tứ cận:

Đông giáp đường ĐT 744;

Tây giáp tờ bản đồ số 03;

Nam giáp thửa đất số 76;

Bắc giáp tờ bản đồ 03.

Kiến nghị cơ quan U thị xã B, tỉnh Bình Dương thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, số vào sổ: S QSDĐ/4276/QĐ-UB do cơ quan U huyện B (nay là thị xã B) cấp cho ông Nguyễn Như T1 ngày 23/12/2003.

Ngoài ra, bản án dân sự sơ thẩm còn tuyên về án phí, trách nhiệm chậm thi hành án và quyền kháng cáo của đương sự.

Ngày 24/01/2019, bị đơn ông Nguyễn Như T1 và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị H3 có đơn kháng cáo toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của nguyên đơn, bị đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan thỏa thuận như sau:

Bị đơn ông Nguyễn Như T1 được quyền sở hữu 1/4 nhà (nhà cấp 4, diện tích 66,4 m²; nhà tắm, nhà bếp, nhà tắm, nhà vệ sinh: 16,59m²) và 1/4 quyền quản lý sử dụng của thửa đất (gắn liền nhà) số A, tờ bản đồ số 4, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, số vào sổ: S QSDĐ/4276/QĐ-UB do cơ quan U huyện B (nay là thị xã B) cấp cho ông Nguyễn Như T1 ngày 23/12/2003; diện tích theo giấy chứng nhận là 428,5 m²; nhà đất tọa lạc tại ấp 3, xã A, thị xã B, tỉnh Bình Dương.

Án phí và các chi phí tố tụng: Các đương sự đề nghị Tòa án quyết định theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Những người tham gia tố tụng và tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự tại Tòa án cấp phúc thẩm

Về nội dung: Tại phiên tòa phúc thẩm, các đương sự đã thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án; sự thỏa thuận giữa các đương sự không trái pháp luật và đạo đức xã hội; do đó, đề nghị Hội đồng xét xử sửa bản án dân sự sơ thẩm, công nhận sự thỏa thuận các đương sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án đã thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án; những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là những thành viên của hộ gia đình của các đương sự đều có ý kiến thống nhất với chủ hộ gia đình, không có ý kiến độc lập và không kháng cáo bản án dân sự sơ thẩm. Do đó, sự thỏa thuận của các đương sự không trái pháp luật và đạo đức xã hội, không làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của người khác nên phải được công nhận.

[2] Án phí và các chi phí tố tụng khác: Các đương sự phải chịu theo quy định của pháp luật.

Cụ Nguyễn Thị L2, sinh năm 1941 là người cao tuổi; theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Khóa XIV quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì cụ L2 thuộc trường hợp được miễn nộp tiền tạm ứng án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều: 147, 148, 300 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 03/2019/DS-ST ngày 11/01/2019 của Tòa án nhân dân thị xã B, tỉnh Bình Dương.

2. Công nhận sự thỏa thuận giữa cụ Nguyễn Thị L2, bà Lại Thị Nga, ông Lại Văn H2, ông Nguyễn Như T1, bà Nguyễn Thị H3 như sau:

Ông Nguyễn Như T1 được quyền sở hữu 1/4 nhà (nhà cấp 4, diện tích 66,4 m²; nhà tạm, nhà bếp, nhà tắm, nhà vệ sinh: 16,59m²) và quyền quản lý sử dụng 1/4 thửa đất (gắn liền nhà) số A, tờ bản đồ số 4, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, số vào sổ: S QSDĐ/4276/QĐ-UB do cơ quan U huyện B (nay là thị xã B) cấp cho ông Nguyễn Như T1 ngày 23/12/2003; diện tích theo giấy chứng nhận là 428,5 m² (đã trừ diện tích giải tỏa làm đường 72,5 m²); nhà đất tọa lạc tại ấp 3, xã A, thị xã B, tỉnh Bình Dương.

3. Chi phí đo đạc, định giá tại Tòa án cấp sơ thẩm: Ông Nguyễn Như T1 phải chịu 1.205.000 đồng (một triệu, hai trăm lẻ năm nghìn đồng) để trả lại cho cụ Nguyễn Thị L2, bà Lại Thị Nga, ông Lại Văn H2. Cụ Nguyễn Thị L2, bà Lại Thị Nga, ông Lại Văn H2 phải liên đới chịu 1.205.000 đồng (một triệu, hai trăm

lẻ năm nghìn đồng), khấu trừ tạm ứng cụ Nguyễn Thị L2, bà Lại Thị Nga, ông Lại Văn H2 đã nộp.

4. Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Nguyễn Như T1 phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng.

Cụ Nguyễn Thị L2 được miễn nộp. Bà Lại Thị N, ông Lại Văn H2 phải L2 đới chịu 300.000 đồng, khấu trừ vào 4.015.095 đồng (bốn triệu, không trăm mười lăm nghìn, không trăm chín mươi lăm đồng) cụ Lại Văn L1 đã nộp tại các Biên lai thu số N ngày 24/11/2015, số U ngày 05/7/2016. Chi cục Thi hành án dân sự thị xã B, tỉnh Bình Dương còn trả lại cho cụ Nguyễn Thị L2, bà Lại Thị N, ông Lại Văn H2 số tiền 3.715.095 đồng (ba triệu, bảy trăm mười năm nghìn, không trăm chín mươi năm đồng).

Chi cục T thị xã B, tỉnh Bình Dương trả lại cho bà Lại Thị N số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu số X ngày 23/01/2018.

5. Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Nguyễn Như T1, bà Nguyễn Thị H3 phải chịu 600.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ hết vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số K, V cùng ngày 24/01/2019 của Chi cục T thị xã B, tỉnh Bình Dương.

Theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7A và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bình Dương;
- Chi cục THADS thị xã B;
- TAND thị xã B;
- Các đương sự (để thi hành);
- Tổ Hành chính Tư pháp;
- Lưu: Hồ sơ, Tòa Dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)**

Đào Minh Đa